

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xi măng VICEM Hải Vân

Ngày 31/12/2025	2,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.1%	-7.1%	3.2%

DT thuần Q4/25	105	tỷ VNĐ
QoQ:	▼11.0	-9.9%
YoY:	▲ 18.6	21.0%

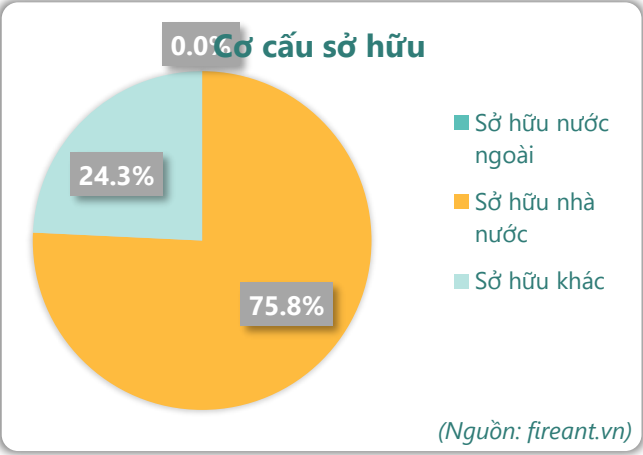
LN thuần Q4/25	-3.18	tỷ VNĐ
QoQ:	▼4.60	-324%
YoY:	▲ 3.00	48.6%

LN sau thuế Q4/25	-13.6	tỷ VNĐ
QoQ:	▼4.66	-51.6%
YoY:	▼7.34	-116%

Tỷ suất lãi EBIT 2025	-9.9%
YoY:	+/-▲ 1.5%

ROE 2025	-14.7%
YoY:	+/-▼ 2.2%

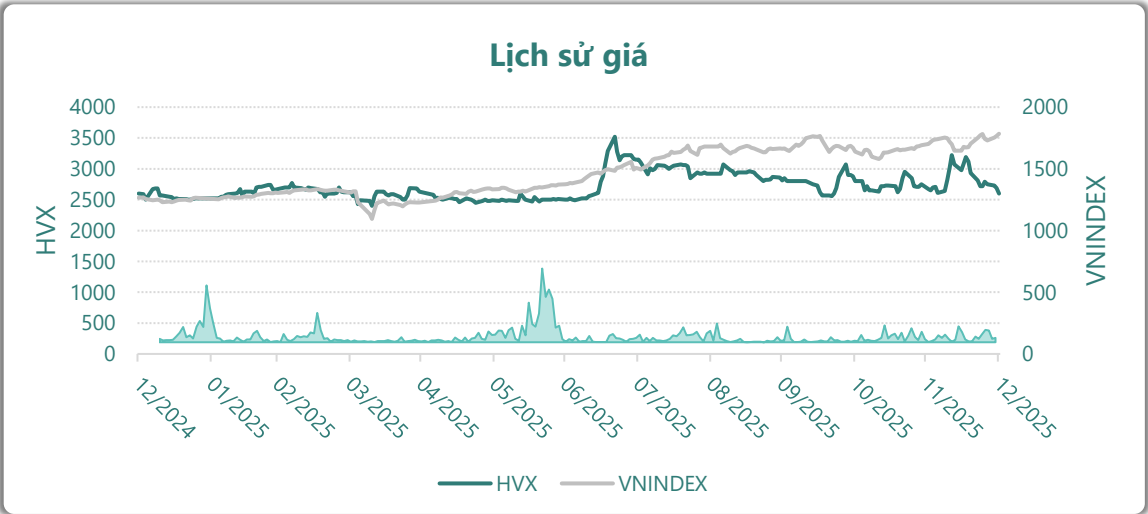
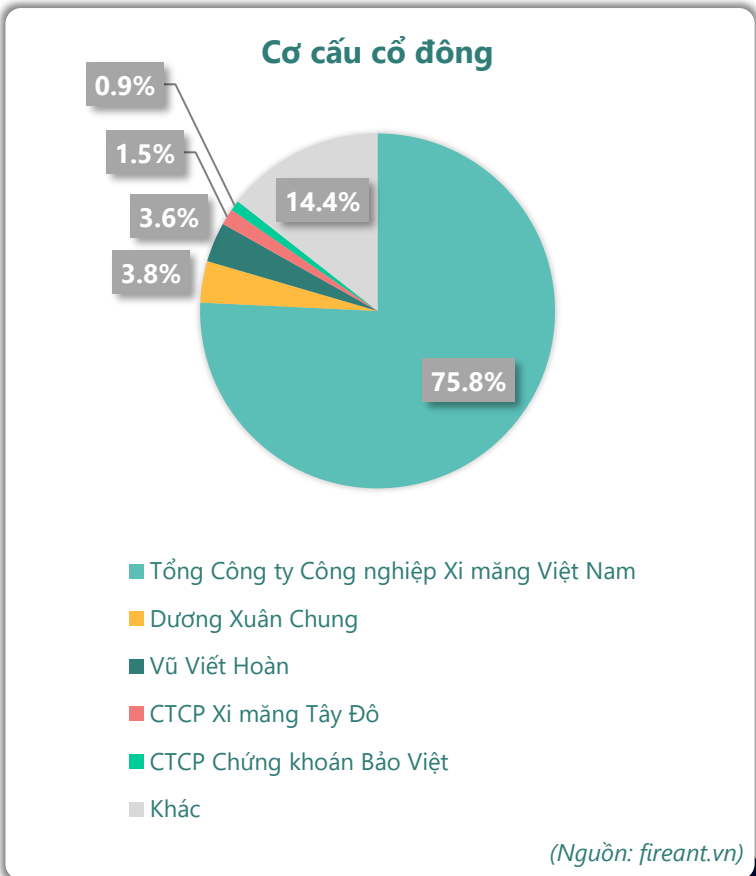
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,400 - 3,520
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	108
Số lượng CPLH (CP)	41,525,250
KLGD BQ 20 phiên (CP)	48,490
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.24)
EPS	-1,101
P/E	-2.4



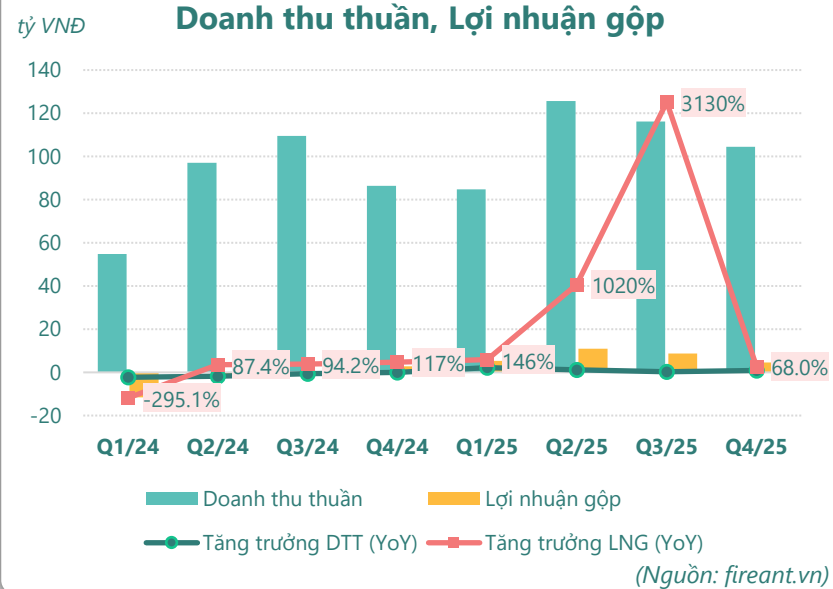
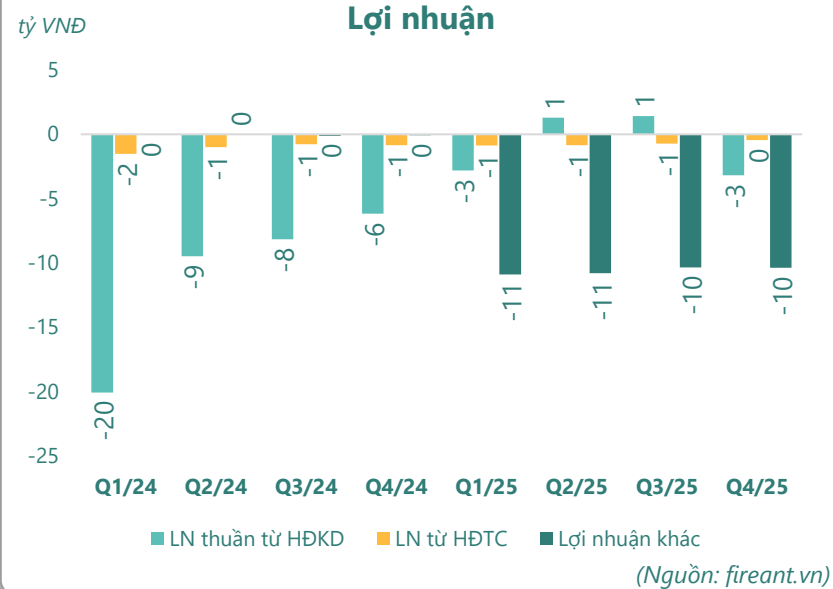
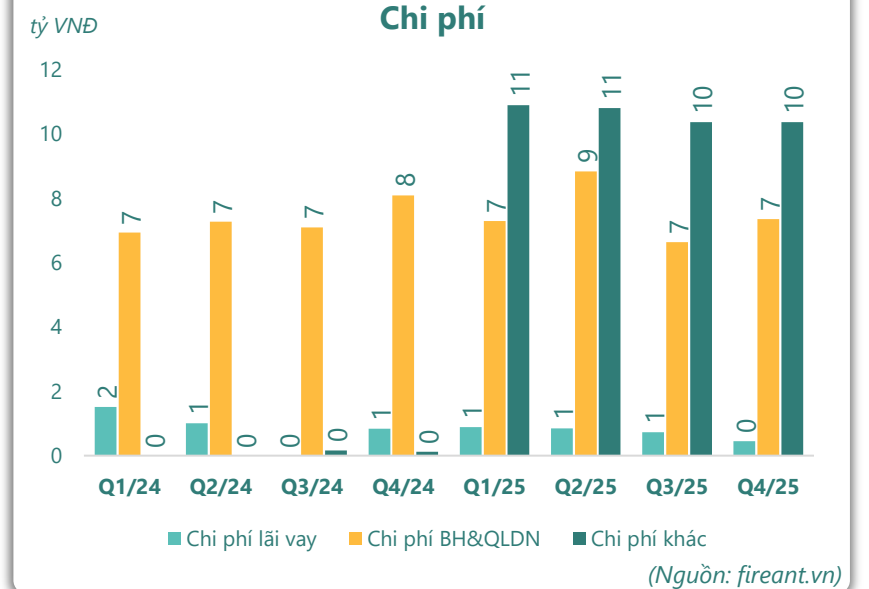
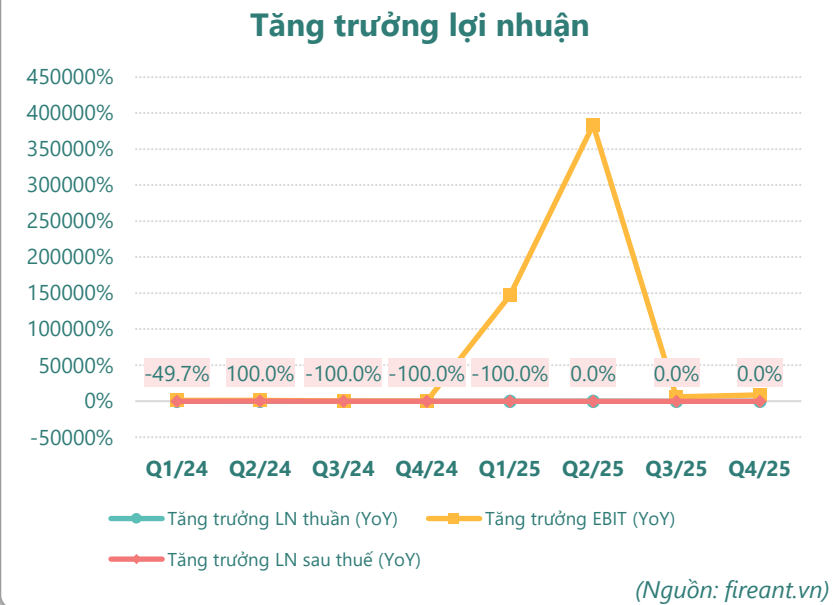
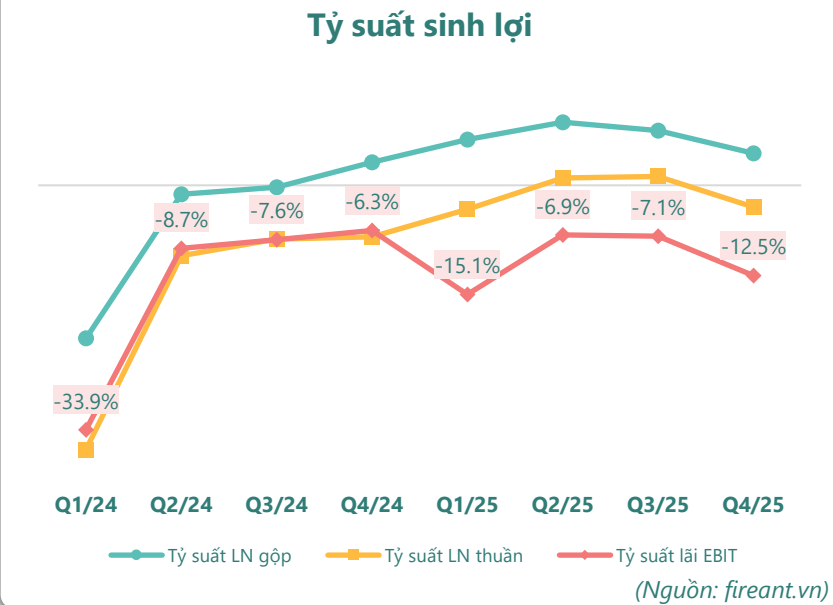
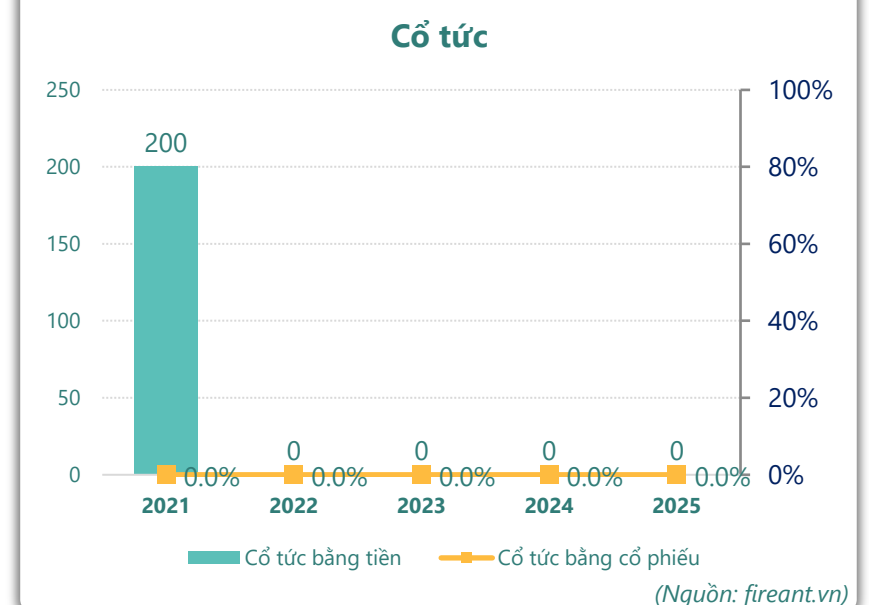
DT thuần 2025	431	tỷ VNĐ
YoY:	▲ 83.0	23.9%

LN thuần 2025	-3.28	tỷ VNĐ
YoY:	▼2.35	-251%

LN sau thuế 2025	-45.7	tỷ VNĐ
YoY:	▼1.90	-4.3%



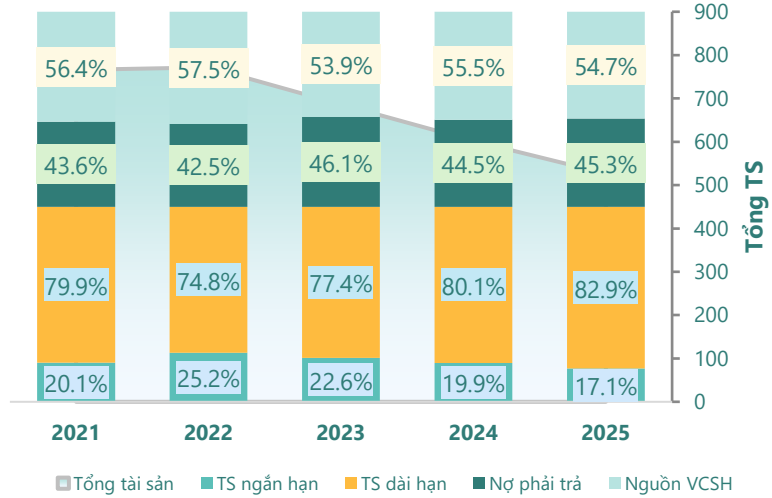
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

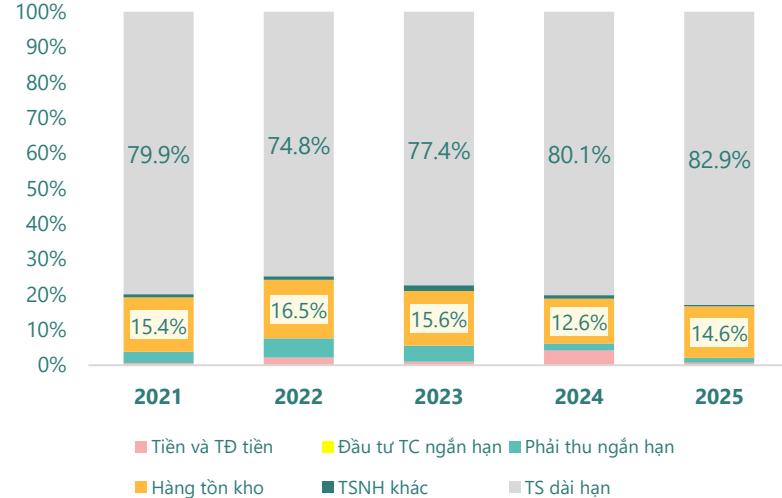
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

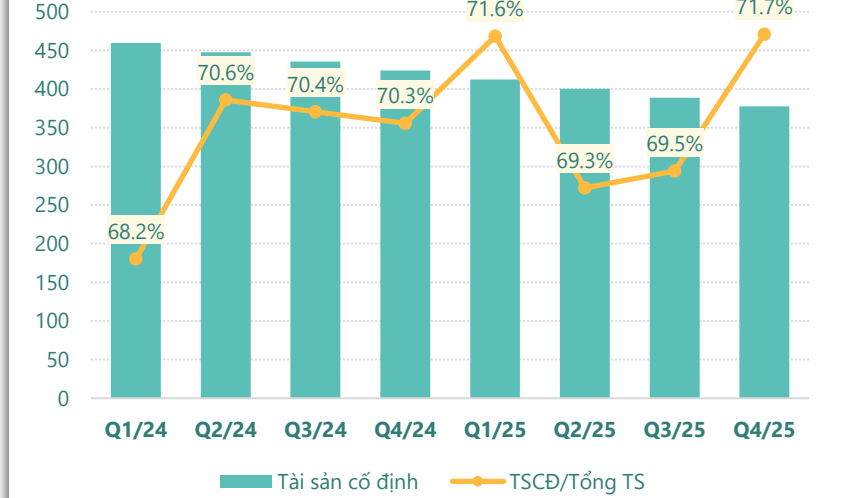
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

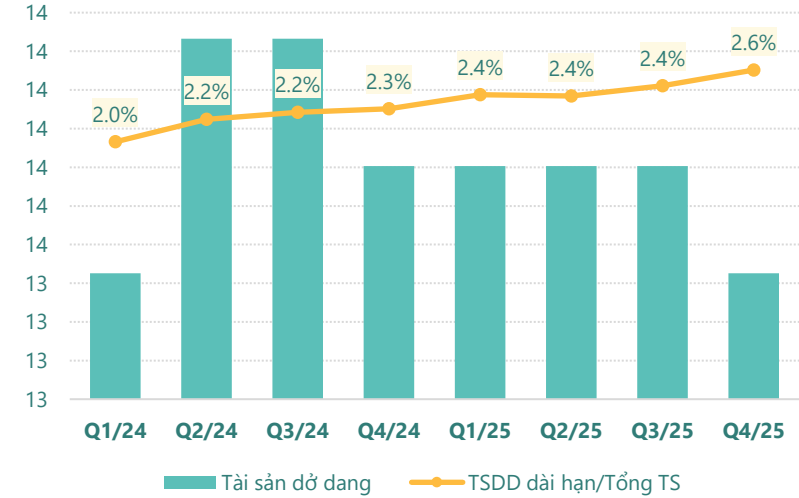
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

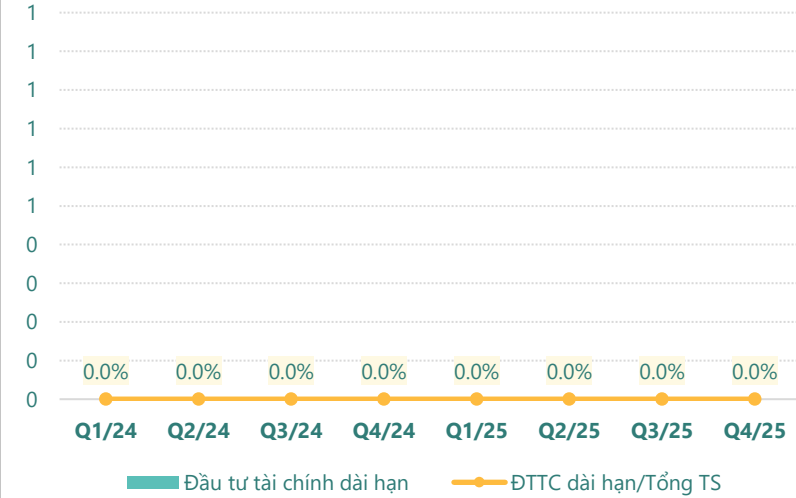
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

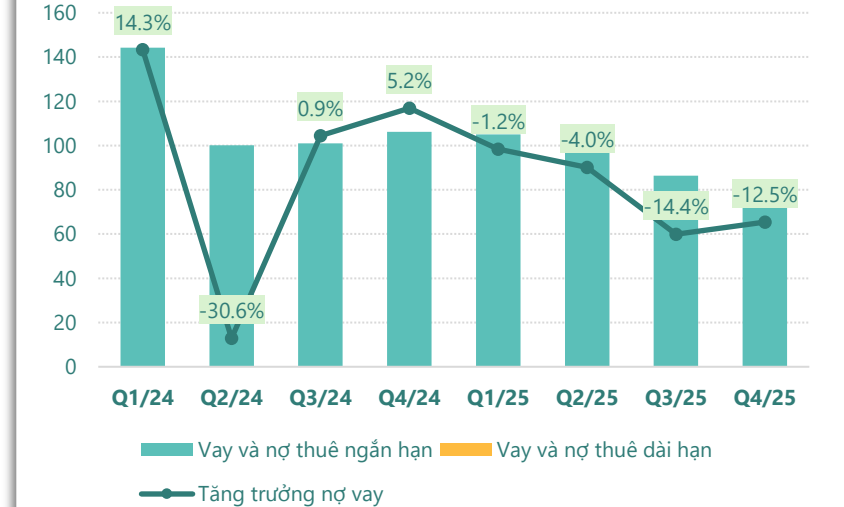
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

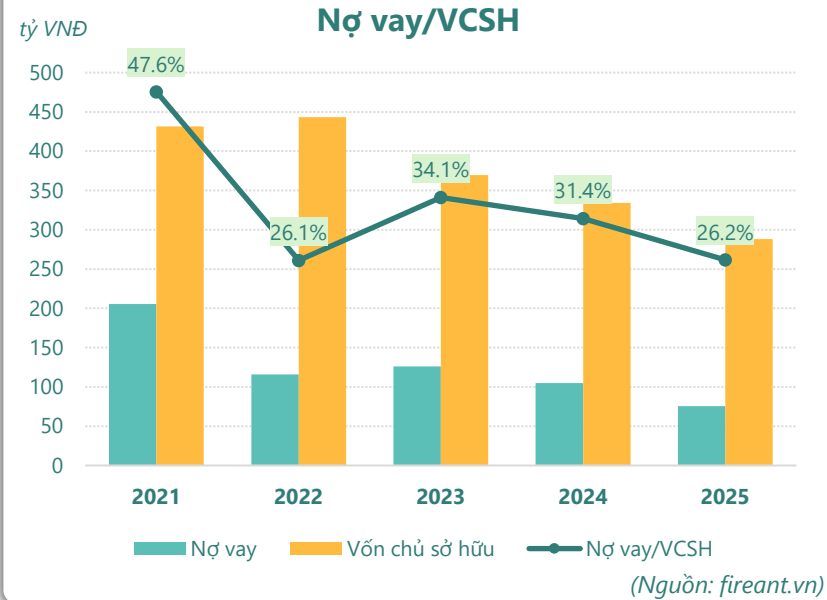
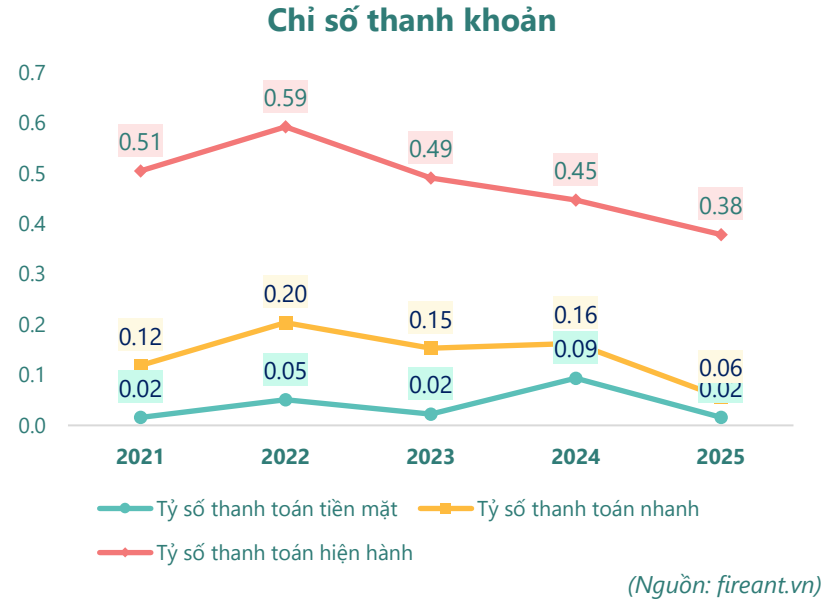
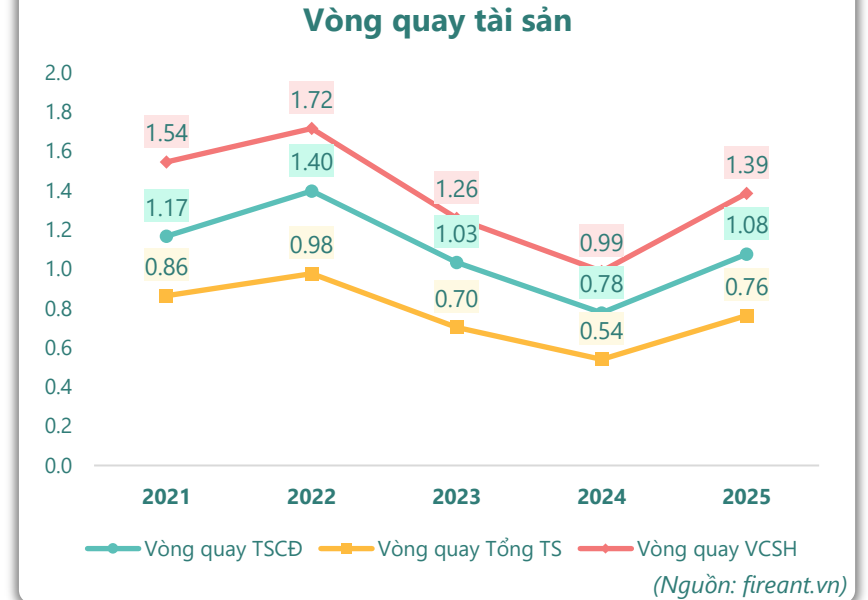
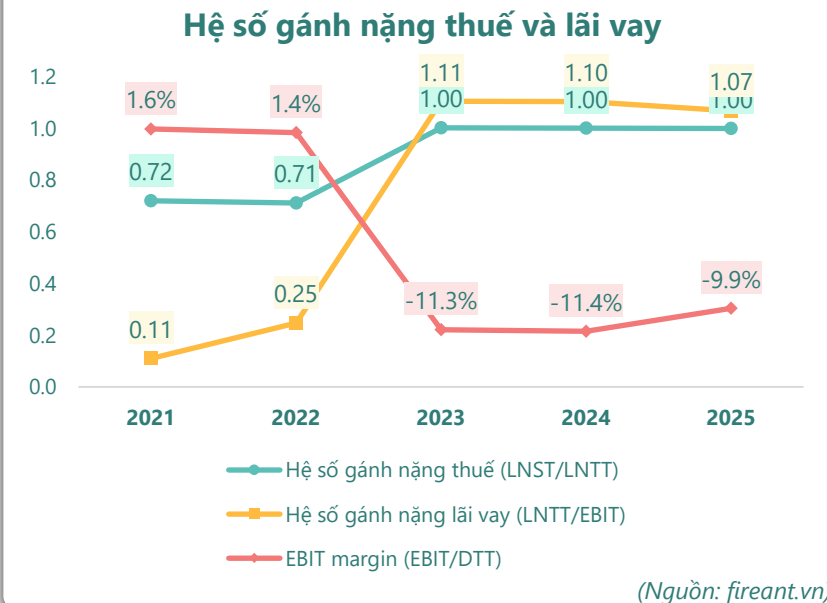
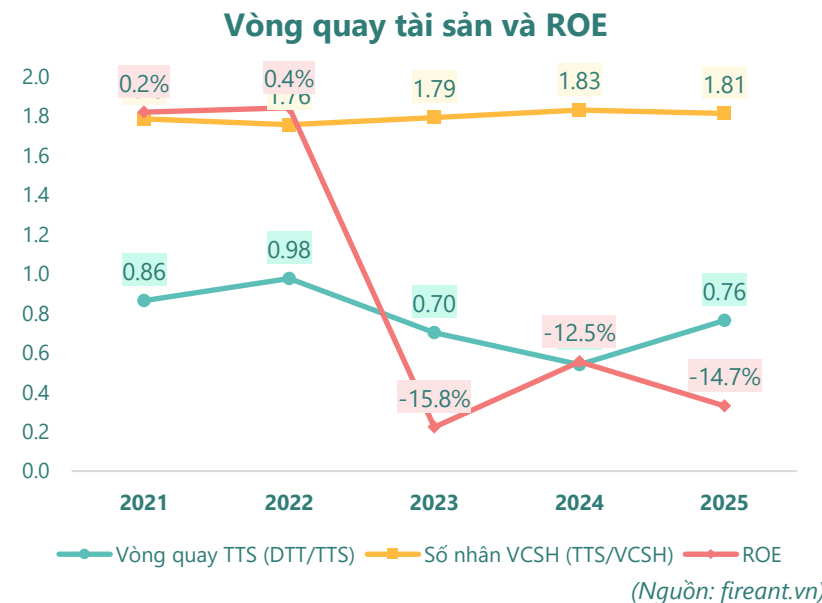
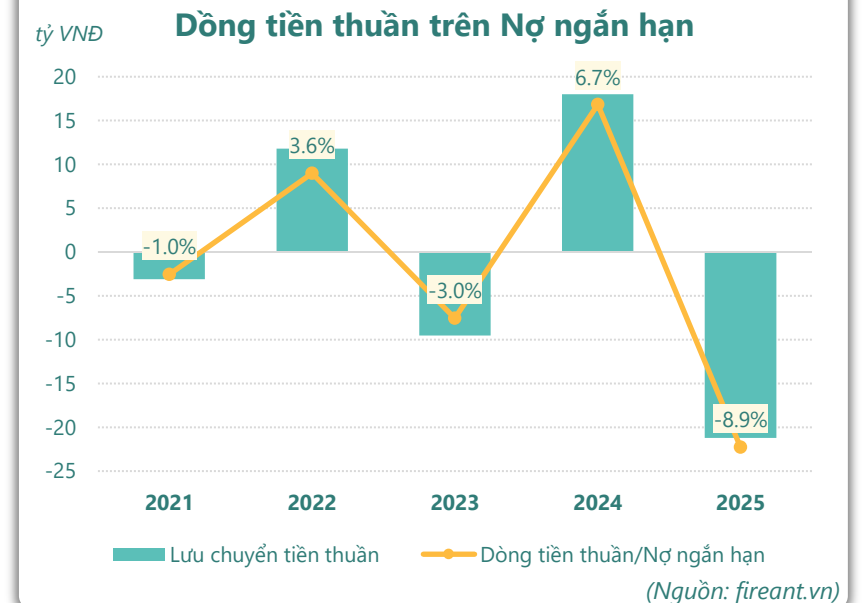
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	105	86.4	21.0%	431	348	23.9%
Giá vốn hàng bán	99.9	83.6	19.5%	401	315	27.3%
Lợi nhuận gộp	4.63	2.75	68.2%	29.8	32.5	-8.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-64.6%	0.03	0.02	52.6%
Chi phí TC	0.45	0.84	-46.6%	2.91	4.12	-29.3%
Chi phí lãi vay	0.45	0.84	-46.6%	2.91	4.12	-29.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.46	0.78	-41.2%	3.11	2.86	8.5%
Chi phí QLDN	6.90	7.32	-5.7%	27.1	26.5	2.1%
LN thuần từ HĐKD	-3.18	-6.18	48.6%	-3.28	-0.93	-251%
Lợi nhuận khác	-10.4	-0.08	-12867%	-42.4	-42.9	1.0%
LN trước thuế	-13.6	-6.26	-116%	-45.7	-43.8	-4.3%
Lợi nhuận sau thuế	-13.6	-6.26	-116%	-45.7	-43.8	-4.3%
LNST của CĐ cty mẹ	-13.6	-6.26	-116%	-45.7	-43.8	-4.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.71	3.36	-4.87	7.52	-3.17	9.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.26	-0.24	0.01	-0.03	0.09	-0.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.93	5.22	0	-4.22	-14.5	-10.8
Tiền đầu kỳ	7.82	16.7	25.1	20.2	23.5	5.88
Lưu chuyển tiền thuần	8.90	8.34	-4.86	3.27	-17.6	-2.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.7	25.1	20.2	23.5	5.88	3.84

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	527	602	-12.5%
Tài sản ngắn hạn	90.1	120	-24.7%
Tiền và tương đương tiền	3.84	25.1	-84.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	6.92	11.9	-42.1%
Hàng tồn kho	76.8	76.2	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.54	6.46	-60.7%
Tài sản dài hạn	437	483	-9.5%
Phải thu dài hạn	0.83	0.78	7.1%
Tài sản cố định	378	424	-10.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	13.5	13.6	-1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	45.0	44.3	1.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	239	268	-11.0%
Nợ ngắn hạn	238	268	-11.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	75.5	105	-28.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	121	125	-3.2%
Nợ dài hạn	0.68	0.62	8.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	288	334	-13.7%
Vốn chủ sở hữu	288	334	-13.7%
Vốn điều lệ	415	415	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

